

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO LÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC TRONG XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM

★ PGS, TS HOÀNG PHÚC LÂM

Phó Bí thư Đảng ủy,

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.582.2026.200>

● **Tóm tắt:** Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong kỷ nguyên phát triển mới. Bài viết phân tích vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế, chỉ ra những điểm nghẽn về thể chế và mô hình tăng trưởng. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phát triển lực lượng sản xuất mới, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng.

● **Từ khóa:** kinh tế độc lập, tự chủ; khoa học, công nghệ; lực lượng sản xuất mới; phương thức sản xuất số; đổi mới sáng tạo; Nghị quyết 57-NQ/TW.

Developing science, technology, and innovation as a strategic breakthrough in building an independent and autonomous economy in Vietnam

● **Abstract:** Developing science, technology, and innovation serves as a strategic breakthrough for building an independent and autonomous economy in the new era of development. The article analyzes the role of science, technology, and innovation in enhancing the self-reliance capacity of the economy, while pointing out institutional bottlenecks and growth model limitations. On that basis, the paper proposes solutions to develop new productive forces, foster digital transformation, enhance innovation capacity, and realize the goal of constructing an independent, autonomous, and sustainably developed economy in the spirit of the 14th National Party Congress.

● **Keywords:** independent and autonomous economy; science and technology; new productive forces; digital mode of production; innovation; Resolution No. 57-NQ/TW.

1. Mở đầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tái định hình phương thức phát triển và cạnh tranh toàn cầu, đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nền tảng quyết định năng lực cạnh tranh và sức mạnh tự chủ của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, đứt gãy chuỗi cung ứng và các thách thức an ninh ngày càng gia tăng, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ không chỉ là yêu cầu phát triển mà còn là điều kiện bảo đảm an ninh và phát triển bền vững.

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, song năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tính tự chủ của nền kinh tế vẫn cần tiếp tục được nâng cao. Trước yêu cầu đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định, đây “là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh

lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” (Bộ Chính trị, 2024). Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính” (ĐCSVN, 2026a, tr.201), thúc đẩy phát triển lực lượng sản

xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng và củng cố nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

2. Nội dung

2.1. Mối quan hệ giữa phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ

Dưới góc nhìn triết học Mác - Lênin và kinh tế chính trị học, độc lập chính trị và tự chủ kinh tế là hai phương diện thống nhất trong một chỉnh thể phát triển, có mối quan hệ biện chứng

chặt chẽ. Một nền kinh tế vững mạnh, tự chủ là nền tảng vật chất bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia và nâng cao năng lực ứng phó trước những biến động của môi trường quốc tế. Tuy nhiên, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm thay đổi căn bản nội hàm của độc lập, tự chủ. Trước đây sức mạnh của nền kinh tế chủ yếu được quyết định bởi nguồn lực, vốn

và năng lực sản xuất, còn hiện nay ngày càng phụ thuộc vào trình độ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Vì vậy, việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, tác động và thúc đẩy lẫn nhau.

Thứ nhất, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nền tảng vật chất - kỹ thuật quyết định năng lực “tự chủ chiến lược” trong kỷ nguyên số. Nền kinh tế độc lập, tự chủ không còn được hiểu là sự khép kín hay tự cung, tự

cấp, mà được thể hiện ở năng lực tự quyết định định hướng phát triển, làm chủ các nguồn lực cốt lõi và nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động từ bên ngoài. Trong bối cảnh tri thức, dữ liệu và công nghệ trở thành những nguồn lực chiến lược của tăng trưởng, làm chủ lực lượng sản xuất mới là điều kiện căn bản để củng cố năng lực tự chủ quốc gia.

Đại hội XIV của Đảng khẳng định: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành động lực then chốt của tăng trưởng; là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực tự chủ quốc gia” (ĐCSVN, 2026a, tr.31). Do đó, năng lực tự chủ của nền kinh tế ngày càng gắn với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngược lại, sự phụ thuộc vào công nghệ và các nền tảng số bên ngoài sẽ làm gia tăng nguy cơ lệ thuộc về dữ liệu, công nghệ và không gian chính sách, làm hạn chế khả năng tự chủ trong phát triển.

Thứ hai, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ lõi là điều kiện quyết định để nâng cao năng lực tự chủ của một nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Một nền kinh tế có độ mở lớn nhưng chủ yếu tham gia ở các khâu gia công, lắp ráp và sử dụng lao động giá rẻ sẽ khó tạo lập giá trị gia tăng cao và luôn đối mặt với nguy cơ lệ thuộc vào các chủ thể nắm giữ công nghệ lõi. Muốn nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, nền kinh tế phải phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ cốt lõi, từng bước chiếm lĩnh các khâu thiết kế, sở hữu tài sản trí tuệ và xây dựng thương hiệu. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khẳng định: “phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là

điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới” (Bộ Chính trị, 2024). Đây là nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng dư địa tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, đa dạng hóa thị trường và đối tác, đồng thời giảm thiểu những rủi ro phát sinh từ cạnh tranh công nghệ và thương mại quốc tế.

Thứ ba, nền kinh tế độc lập, tự chủ tạo lập nền tảng thể chế và nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Năng lực tự chủ của nền kinh tế, cùng với sự ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính, tạo điều kiện để hình thành môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đồng thời, việc hoàn thiện thể chế, mở rộng cơ chế thử nghiệm chính sách và phân bổ hiệu quả các nguồn lực sẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trên cơ sở chủ động định hình chiến lược hội nhập, quốc gia có điều kiện lựa chọn các dòng vốn FDI có hàm lượng công nghệ cao, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ của doanh nghiệp trong nước và từng bước hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Trong kỷ nguyên mới của dân tộc, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là nhân tố quyết định nâng cao năng lực độc lập, tự chủ của nền kinh tế; đồng thời, nền kinh tế độc lập, tự chủ tạo điều kiện để khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển bền vững và phát huy hiệu quả. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng này sẽ củng cố sức mạnh nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo nền tảng để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình, hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

2.2. Thực trạng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam có “quy mô GDP năm 2025 đạt trên 514 tỷ USD, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 trên thế giới, GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao” (ĐCSVN, 2026a, tr.47). Kết quả này là nền tảng quan trọng để tiếp tục mở rộng phát triển và từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng. Thực tiễn cho thấy, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao năng lực tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong đó, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Hiện nay, tư duy của Đảng về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng có bước phát triển quan trọng. Nếu trước đây, khoa học, công nghệ được nhìn nhận chủ yếu như yếu tố hỗ trợ tăng trưởng thì hiện nay đã được xác định là động lực chính của mô hình phát triển mới. Điều này thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội XIV, với định hướng: “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành động lực then chốt của tăng trưởng; là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là phương thức để tạo ra các mô hình kinh doanh mới, việc làm mới, giá trị gia tăng mới” (ĐCSVN, 2026a, tr.31). Sự chuyển biến này tạo cơ sở quan trọng để hoàn thiện thể chế, huy động nguồn lực, phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, qua đó góp phần nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế.

Những chuyển biến trong tư duy và chính sách nêu trên đã từng bước phát huy hiệu quả

trên thực tiễn. Giai đoạn 2021-2025, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ước đạt khoảng 47% (ĐCSVN, 2026a, tr.285), phản ánh xu hướng chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào vốn và lao động sang mô hình dựa nhiều hơn vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kinh tế số phát triển mạnh, chiếm trên 14,0% GDP vào năm 2025 (ĐCSVN, 2026a, tr.287); hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từng bước được hoàn thiện; năng lực đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, duy trì vị trí dẫn đầu trong nhóm các quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Việc tham gia 17 hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Trung tâm WTO và Hội nhập, 2026) cũng mở ra điều kiện thuận lợi để tiếp cận công nghệ tiên tiến, thu hút nguồn vốn đầu tư chất lượng cao, từng bước tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, như: điện tử, viễn thông và công nghiệp bán dẫn... Những kết quả trên cho thấy, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang từng bước trở thành nền tảng chiến lược để nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng thích ứng và củng cố tính tự chủ của nền kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn tồn tại những điểm nghẽn cần được tháo gỡ.

Trước hết, về mức độ phụ thuộc vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Mặc dù hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, với kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương gần 200% GDP, song khu vực FDI vẫn chi phối hơn 73% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2023; và tăng lên 77,3% vào năm 2025, đặc

biệt trong các ngành công nghệ cao (ĐCSVN, 2026a, tr.323). Các tập đoàn đa quốc gia nắm giữ những khâu có giá trị gia tăng cao như: nghiên cứu, thiết kế, công nghệ lõi, thương hiệu và phân phối,... trong khi phần lớn doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia vào công đoạn gia công, lắp ráp với tỷ lệ nội địa hóa thấp. Sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, làm giảm khả năng lan tỏa công nghệ, quản trị, đồng thời gia tăng nguy cơ phụ thuộc vào chuỗi cung ứng bên ngoài.

Cùng với đó, năng lực nghiên cứu và phát triển chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển mới, khi mức chi cho lĩnh vực này mới đạt khoảng 0,53% GDP (Báo Nhân dân, 2025). Đây là hạn chế bộc lộ rõ khi cơ chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ còn nặng về tiền kiểm và thủ tục hành chính, trong khi bản chất của nghiên cứu khoa học luôn gắn với thử nghiệm, sáng tạo và rủi ro. Tâm lý “sợ sai, sợ trách nhiệm” tồn tại trong một bộ phận cán bộ quản lý đã phần nào làm giảm động lực đổi mới, kéo dài khoảng cách giữa định hướng chính sách và hiệu quả thực tiễn.

Bên cạnh đó, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia chưa hình thành được sự liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp. Hiện nay khoảng 95 - 96% doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ (ĐCSVN, 2026b, tr.249), với năng lực nghiên cứu, đổi mới công nghệ còn hạn chế, trong khi số lượng doanh nghiệp công nghệ có khả năng làm chủ công nghệ nguồn, dẫn dắt chuỗi giá trị còn ít. Việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu từ các trường đại học, viện nghiên cứu chưa đạt hiệu quả tương xứng, làm hạn chế quá trình chuyển hóa tri thức thành giá trị kinh tế.

Đặc biệt, nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn là một điểm nghẽn căn bản của quá trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ hiện mới đạt khoảng 29,2% (ĐCSVN, 2026a, tr.344), trong khi đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới.

Những hạn chế trên cho thấy, năng lực tự chủ của nền kinh tế vẫn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Do đó, cùng với việc tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ, cần tập trung hoàn thiện thể chế, đổi mới cơ chế quản lý, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ doanh nghiệp công nghệ Việt Nam đủ năng lực làm chủ công nghệ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là điều kiện then chốt để chuyển hóa lợi thế hội nhập thành năng lực tự chủ chiến lược, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển bền vững.

2.3. Bối cảnh phát triển mới và những thách thức đối với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ

Kỷ nguyên phát triển mới mở ra những cơ hội quan trọng để Việt Nam bứt phá, đồng thời đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với năng lực thích ứng, tự chủ và phát triển bền vững của đất nước. Toàn cầu hóa 4.0 đang bước vào giai đoạn “phân mảnh” và “chọn lọc” sâu sắc. Cấu trúc địa kinh tế, địa chính trị thế giới đang vận động theo những quỹ đạo phức tạp, buộc Việt Nam phải có sự nhận diện thấu đáo để định vị chiến lược tự chủ.

Một là, sự dịch chuyển, phân mảnh chuỗi cung ứng toàn cầu cùng với cạnh tranh chiến

lược nước lớn đang tác động sâu sắc đến môi trường phát triển. Sự cạnh tranh trên thế giới hiện nay đã vượt ra ngoài phạm vi thương mại, ngày càng tập trung vào khả năng làm chủ các công nghệ nền tảng như: bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và năng lượng xanh. Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, dịch chuyển sản xuất và lựa chọn đối tác tin cậy và gia tăng kiểm soát công nghệ đang đặt ra những yêu cầu mới đối với các nền kinh tế đang phát triển. Đối với Việt Nam, bối cảnh này đòi hỏi phải khẩn trương nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, củng cố sức chống chịu của nền kinh tế và chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu có hàm lượng công nghệ cao.

Hai là, yêu cầu chuyển đổi xanh và sự hình thành các tiêu chuẩn kỹ thuật mới đang trở thành nhân tố quan trọng định hình năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế. Trong tiến trình hội nhập quốc tế thế hệ mới, các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị, cùng với Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu, đang từng bước định hình những chuẩn mực mới trong thương mại toàn cầu. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu đối với Việt Nam, phải chủ động đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ xanh, công nghệ giảm phát thải và mô hình kinh tế tuần hoàn, qua đó nâng cao khả năng thích ứng của doanh nghiệp, duy trì năng lực cạnh tranh và bảo đảm sự tham gia bền vững vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, yêu cầu bảo đảm chủ quyền số và an ninh dữ liệu quốc gia trong tiến trình chuyển đổi số. Trong bối cảnh Toàn cầu hóa 4.0, không gian phát triển của mỗi quốc gia đã vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ truyền thống, mở rộng sang không gian mạng, nơi dữ liệu trở thành nguồn lực chiến lược gắn với năng lực quản trị và sức cạnh tranh quốc gia. Sự phụ

thuộc vào các nền tảng công nghệ và hạ tầng số bên ngoài làm gia tăng những rủi ro về an ninh mạng, an toàn dữ liệu và khả năng tự chủ trong hoạch định chính sách. Nhận thức rõ điều đó, Đại hội XIV đã nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm “an ninh mạng”, “an ninh dữ liệu” và “chủ quyền số”. Đối với Việt Nam, việc làm chủ hạ tầng số, công nghệ lõi và các nền tảng trí tuệ nhân tạo vừa là yêu cầu phát triển kinh tế số, vừa là điều kiện quan trọng để củng cố nền kinh tế độc lập, tự chủ trong kỷ nguyên phát triển mới.

Bốn là, yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Sự hình thành của phương thức sản xuất số đang làm thay đổi căn bản mô hình tổ chức sản xuất, cơ cấu việc làm và các lợi thế cạnh tranh truyền thống. Trong bối cảnh đó, để lợi thế về quy mô dân số trở thành động lực phát triển gắn với nguồn nhân lực có năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng làm chủ công nghệ. Nếu không kịp thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hẹp khoảng cách số và tăng cường năng lực hấp thụ công nghệ, Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong quá trình tham gia vào các chuỗi giá trị mới, ảnh hưởng đến mục tiêu nâng cao năng lực tự chủ và phát triển bền vững của nền kinh tế.

2.4. Giải pháp đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế tự chủ

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Việt Nam cần gắn định hướng phát triển với những giải pháp thực tiễn, trên cơ sở triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội XIV và Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là trọng tâm chiến lược để củng cố năng lực tự chủ và sức mạnh nội sinh của nền kinh tế.

Một là, hoàn thiện thể chế phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trọng tâm là đổi mới tư duy xây dựng và thực thi chính sách, chuyển từ quản lý hành chính sang kiến tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu: “Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”” (Bộ Chính trị, 2024), hướng tới mục tiêu “đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số” (Bộ Chính trị, 2024). Theo đó, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ và mô hình kinh doanh

mới. Đồng thời, đổi mới cơ chế tài chính cho nghiên cứu theo hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, khoán chi theo kết quả đầu ra và thể chế hóa nguyên tắc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, tạo cơ sở phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm của Nhà nước hỗ trợ công nghệ mới.

Hai là, đổi mới chính sách thu hút FDI và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm

Thu hút FDI cần chuyển từ mục tiêu gia tăng vốn đầu tư sang nâng cao chất lượng, ưu tiên các dự án có cam kết chuyển giao công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong nước. Nghị quyết số 57-NQ/TW khẳng định: “Người dân

và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất” (Bộ Chính trị, 2024). Theo đó, cần có cơ chế hỗ trợ hình thành một số doanh nghiệp tư nhân có năng lực dẫn dắt các chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo; đồng thời hoàn thiện cơ chế liên kết giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp, mở rộng quyền tự chủ của các viện nghiên cứu, trường đại học trong khai thác tài sản trí tuệ và phát triển doanh nghiệp khởi nguồn, qua đó thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Ba là, ưu tiên nguồn lực phát triển các công nghệ chiến lược và củng cố chủ quyền số quốc gia

Nguồn lực đầu tư cần được phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực tạo nền tảng cho năng lực tự chủ công nghệ. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định: “Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, công nghệ không gian vũ trụ, công nghệ lượng tử” (ĐCSVN, 2026a, tr.106). Cùng với việc ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực này, cần sớm hoàn thiện và khai thác hiệu quả Trung tâm Dữ liệu quốc gia, phát triển hạ tầng điện toán đám mây trong nước và nâng cao năng lực

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Việt Nam cần gắn định hướng phát triển với những giải pháp thực tiễn, trên cơ sở triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội XIV và Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là trọng tâm chiến lược để củng cố năng lực tự chủ và sức mạnh nội sinh của nền kinh tế.

quản trị dữ liệu, qua đó tăng cường chủ quyền số, an ninh mạng và khả năng tự chủ của nền kinh tế trong không gian số.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và có chính sách trọng dụng nhân tài

Lực lượng sản xuất mới đòi hỏi một thể hệ lao động hoàn toàn mới. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đòi hỏi đội ngũ nhân lực có năng lực làm chủ công nghệ và đổi mới sáng tạo. Vì vậy, cần đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường giáo dục STEAM, phát triển kỹ năng số và tư duy, khả năng sử dụng thành thạo trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân tài, nhất là các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học đầu ngành và trí thức Việt Nam ở nước ngoài, thông qua chính sách phù hợp về thu nhập, môi trường nghiên cứu và điều kiện làm việc. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.0 và sự chuyển dịch mạnh mẽ của các phương thức phát triển, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trở thành yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm năng lực thích ứng, tự quyết và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Tự chủ kinh tế ngày nay không chỉ là khả năng ứng phó với những biến động bên ngoài, mà còn là năng lực làm chủ tri thức, công nghệ và các nguồn lực chiến lược để định hình phát triển tương lai. Trong tiến trình đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò là động lực trung tâm, tạo nền tảng hình thành lực lượng sản xuất mới và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hiện thực hóa định hướng của

Đại hội XIV và tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục đổi mới tư duy thể chế, phát huy nguồn lực trí tuệ, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực làm chủ công nghệ. Khi sức sáng tạo của con người Việt Nam được khơi dậy và các nguồn lực phát triển được giải phóng, đất nước sẽ có nền tảng vững chắc để hiện thực hóa khát vọng phát triển, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 □

Ngày nhận bài: 23/7/2026

Ngày bình duyệt: 10/8/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/8/2026.

Email tác giả: hplam2003@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

ĐCSVN (2026a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2026b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh & Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2026). *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.0 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

Nguyễn Hà (07/11/2025). *Hợp lực “ba nhà” - lời giải của bài toán đầu tư cho R&D.* <https://nhandan.vn>.

Trung tâm WTO và Hội nhập (02/8/2026). *Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 2/2026.* <https://trungtamwto.vn>.